

CLOTHING

1. century	(n)	/ˈsentʃəri/	thế kỷ	29. modernize	(v)	/ˈmɒdənaɪz/	hiện đại hóa
2. poet	(n)	/ˈpəʊɪt/	nhà thơ	30. modern	(a)	/ˈmɒdn/	hiện đại
3. poetry	(n)	/ˈpəʊətri/	thơ ca	31. plaid	(a)	/plaɪd/	có ca-rô, kẻ ô vuông
4. poem	(n)	/ˈpəʊɪm/	bài thơ	32. suit	(a)	/su:t/	trơn
5. traditional	(a)	/trəˈdɪʃənəl/	truyền thống	33. sleeve	(n)	/sli:v/	tay áo
6. silk	(n)	/sɪlk/	lụa	34. sleeveless	(a)	/ˈsli:vles/	không có tay
7. tunic	(n)	/ˈtjuːnɪk/	tà áo	35. short-sleeved	(a)	/ʃɔːt-sliːvd/	tay ngắn
8. slit	(v)	/slɪt/	xẻ	36. sweater	(n)	/ˈswetə(r)/	áo len
9. loose	(a)	/luːs/	lỏng, rộng	37. baggy	(a)	/ˈbægi/	rộng thùng thình
10. pants (= trousers)	(n)	/pænts/	quần (dài)	38. faded	(a)	/feɪdɪd/	phai màu
11. design	(n, v)	/dɪˈzaɪn/	bản thiết kế, thiết kế	39. shorts	(n)	/ʃɔːts/	quần đùi
12. designer	(n)	/dɪˈzaɪnə(r)/	nhà thiết kế	40. casual clothes	(n)	/ˈkæʒuəl kləʊðz/	quần áo thông thường
13. fashion designer	(n)	/ˈfæʃn dɪˈzaɪnə(r)/	nhà thiết kế thời trang	41. sailor	(n)	/ˈseɪlə(r)/	thủy thủ
14. material	(n)	/məˈtɪəriəl/	vật liệu	42. cloth	(n)	/kləʊð/	vải
15. convenient	(a)	/kənˈviːniənt/	thuận tiện	43. wear out	(v)	/weə(r) aʊt/	mòn, rách
16. convenience	(n)	/kənˈviːniəns/	sự thuận tiện	44. embroider	(v)	/ɪmˈbrɔɪdə(r)/	thêu
17. lines of poetry	(n)	/laɪn əv ˈpəʊətri/	những câu thơ	45. label	(n)	/ˈleɪbl/	nhãn hiệu
18. fashionable	(a)	/ˈfæʃnəbl/	hợp thời trang	46. sale	(n)	/seɪl/	doanh thu
19. inspiration	(n)	/ˌɪnspəˈreɪʃn/	nguồn cảm hứng	47. go up = increase	(v)	/ɡəʊ ʌp/	tăng lên
20. inspire	(v)	/ɪnˈspaɪə(r)/	gây cảm hứng	48. economic	(a)	/ˌiːkəˈnɒmɪk/	thuộc về kinh tế
21. ethnic minority	(n)	/ˌeθnɪk maɪˈnɒrəti/	dân tộc thiểu số	49. economy	(n)	/ɪˈkɒnəmi/	nền kinh tế
22. symbol	(n)	/ˈsɪmbəl/	ký hiệu, biểu tượng	50. economical	(a)	/ˌiːkəˈnɒmɪkl/	tiết kiệm
23. symbolize	(v)	/ˈsɪmbəlaɪz/	tượng trưng	51. worldwide	(a)	/ˌwɜːldˈwaɪd/	rộng khắp thế giới
24. cross	(n)	/ˈsɪmbəlaɪz/	chữ thập	52. out of fashion	(a)	/aʊt əv fæʃn/	lỗi thời
25. stripe	(n)	/straɪp/	sọc	53. generation	(n)	/ˌdʒenəˈreɪʃn/	thế hệ
26. striped	(a)	/straɪpt/	có sọc	54. (be) fond of = like	(v)	/fɒnd əv/	thích
27. unique	(a)	/juːˈniːk/	độc đáo	55. hardly	(adv)	/ˈhɑːdli/	hầu như không
28. subject	(n)	/ˈsʌbdʒɪkt/	chủ đề, đề tài	56. put on = wear	(v)	/pʊt ɒn/	mặc vào
				57. point of view		/pɔɪnt əv vjuː/	quan điểm
				58. (be) proud of	(v)	/praʊd əv/	tự hào về ...

NGŨ PHÁP

THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH

<https://www.liveworksheets.com/zm848jp>

<https://www.liveworksheets.com/gc1334456fi>

DẠNG BỊ ĐỘNG

<https://www.liveworksheets.com/yx16129hv>

Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others

1. A. <u>ch</u> ildhood	B. <u>ch</u> ampagne	C. <u>ch</u> apter	D. <u>ch</u> arity
2. A. <u>l</u> ighthouse	B. <u>h</u> eritage	C. <u>h</u> otel	D. <u>h</u> our

3. A. conducts	B. returns	C. wanders	D. wonders
----------------	------------	------------	------------

Exercise 2: Choose the word that has the main stress placed differently from the others

1. A. negative	B. determine	C. forbidden	D. attraction
2. A. acceptable	B. affordable	C. reliable	D. fashionable

Exercise 3: Choose the correct answer A, B, C or D

- The trip to the National Gallery has been _____ until next Friday.
A. put off B. looked into C. turned up D. found out
- Every time I fly to the United States, I get really bad _____.
A. asthma B. jet lag C. confusion D. recreation
- The street food in Hoi An is delicious and _____.
A. available B. fabulous C. affordable D. fascinating
- "Thanks for giving me a ride to work today."
"_____. I was heading this direction anyway."
A. You don't need to. B. Yes, thanks. C. No worries. D. I'd love to.
- The majority of nurses are women, but in the higher ranks of the medical profession women are in a _____.
A. rarity B. minority C. scarcity D. minimum
- He earns his living by _____ old paintings.
A. reviving B. restoring C. reforming D. replenishing
- His answer was so confused that I could hardly make any _____ of it at all.
A. interpretation B. meaning C. intelligibility D. sense
- They always kept on good _____ with their next-door neighbours for the children's sake.
A. friendship B. relations C. will D. terms
- My passport _____ last month, so I will have to get a new one.
A. elapsed B. expired C. ended D. terminated
- Dong Khoi Street is the main shopping street in the _____ of downtown in Ho Chi Minh City.
A. mind B. heart C. head D. spot

I. Choose the word which is pronounced differently from the other.

- A. worry B. sorry C. dog D. doctor
- A. hoped B. asked C. received D. washed
- A. about B. sound C. young D. account
- A. invited B. ticket C. pick D. circus
- A. place B. jam C. face D. take

II. Choose the word in each line that has different stress pattern.

- A. casual B. convenient C. designer D. embroider
- A. fashionable B. rivalry C. encourage D. logical
- A. poem B. champagne C. label D. novel
- A. inspiration B. economic C. situation D. material
- A. impress B. comic C. cotton D. baggy

III. Find the one choice that best completes the sentence.

- Now fashion _____ want to change the traditional Ao dai.
A. makers B. workers C. designers D. dressers
- The word "Jeans" comes from a kind of _____ that was made in Europe.
A. substance B. form C. element D. material
- In the 18th century Jean cloth was made completely from _____.
A. rubber B. leather C. cotton D. nylon
- In the 1980s jeans finally became high fashion clothing _____ of jeans went up and up.
A. Sales B. Buying C. Selling D. Making

15. Today young generation _____ wearing jeans.
A. likes B. enjoys C. is fond of D. all A, B and C
16. The material used to make jeans was very _____ and it didn't wear out easily.
A. hardly B. difficult C. strong D. solid
17. My uncle is a seaman. He usually away on voyages.
A. fisher B. sailor C. worker D. boatman
18. Some designers have _____ the Ao dai by printing lines of poetry on it.
A. modernized B. introduced C. made D. increased
19. He may be from a rich family. His clothes look very modern and _____.
A. old B. fashionable C. cheap D. inexpensive
20. Wearing uniforms help students feel _____ in many ways.
A. the same B. different C. unequal D. equal
21. Wearing casual clothes gives students _____ of choice of colors and styles.
A. comfortable B. liking C. freedom D. convenient
22. I _____ in the same company since I left school.
A. work B. worked C. have worked D. had worked
23. Greeting cards are big business in Britain. Millions of cards _____ every year.
A. is sent B. are sent C. have been sent D. has been sent
24. It was careless _____ not to lock the gate.
A. of he B. for him C. of him D. from him
25. During the last couple of years they _____ very happy.
A. haven't been B. weren't C. aren't D. didn't